
MỤC LỤC

PHẦN 1	1
MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1 CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN	4
I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC.....	4
1. Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương	4
2. Văn bản của địa phương.....	5
II. CAM KẾT QUỐC TẾ	6
III.TÀI LIỆU SỬ DỤNG	7
1. Tài liệu dự án, đề án, quyết định thành lập, giao nhiệm vụ cho chủ rừng.....	7
2. Các tài liệu điều tra chuyên đề năm 2020	7
3. Bản đồ.....	7
4. Các tài liệu khác	7
CHƯƠNG 2 ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA BAN QUẢN LÝ	8
RỪNG ĐẶC DỤNG XUÂN NHA	9
I. THÔNG TIN CHUNG.....	9
2. Địa chỉ: Bản Suối Quanh, xã Chiềng Xuân, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.	9
II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỎ NHƯỜNG	12
1.Vị trí địa lý, địa hình	12
2. Khí hậu	13
3. Thủy văn.....	13
4. Địa chất và thổ nhưỡng	13
III. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	15
1. Dân số, dân tộc, lao động	15
2. Kinh tế	16
2.2. Thu nhập, đời sống của dân cư	18
3. Xã hội	20
IV. GIAO THÔNG.....	23
1. Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực	23
2. Hệ thống giao thông đường thủy:	24
V. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG	25
1. Những loại dịch vụ môi trường rừng mà Ban quản lý đang triển khai thực hiện.....	25
2. Đánh giá tiềm năng cung cấp các loại dịch vụ môi trường.....	27
VI. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT	28

1. Thống kê hiện trạng sử dụng đất của Ban quản lý	28
2. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, tình hình quản lý, sử dụng đất ...	29
VII. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG.....	31
1. Hiện trạng diện tích, trạng thái, chất lượng các loại rừng.....	31
2. Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân các trạng thái rừng	33
3. Hiện trạng phân bố lâm sản ngoài gỗ.....	35
VIII. HIỆN TRẠNG VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN.....	37
1. Thống kê số lượng, diện tích văn phòng, nhà, trạm...hiện có của đơn vị theo các nguồn vốn đầu tư	37
2. Thống kê số lượng phương tiện, thiết bị của chủ rừng	37
3. Kết quả các chương trình, dự án đã thực hiện	39
IX. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	41
1. Quản lý rừng tự nhiên	41
2. Quản lý rừng trồng	43
3. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh hại rừng	43
3.1. Tình trạng khai thác gỗ trái phép:	44
3.2. Khai thác củi:	44
3.3. Về săn bắt động vật rừng:	45
3.4. Về xâm lấn đất rừng:	45
3.5. Công tác phòng cháy chữa cháy rừng:	45
3.6. Công tác phòng trừ sâu hại.....	47
5. Quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học	47
6. Công tác quản lý, xử lý vi phạm pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học	73
IX-A. PHÂN KHU CHỨC NĂNG CỦA BAN QUẢN LÝ	75
1. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	76
2. Phân khu phục hồi sinh thái	77
3. Phân khu dịch vụ hành chính	78
4. Vùng đệm	78
X-B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH CỦA BQL.....	80
1. Về thực hiện phân loại đơn vị sự nghiệp công.....	80
2. Hạng mục nguồn kinh phí của Ban quản lý	80
3. Hạng mục các nguồn chi của của Ban quản lý	81

CHƯƠNG 3 MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN.....	82
I. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	83
1. Mục tiêu chung.....	83
2. Mục tiêu cụ thể.....	83
II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	85
1. Kế hoạch sử dụng đất phân theo mục đích sử dụng đất đai.....	85
2. Kế hoạch sử dụng đất phân theo đơn vị hành chính	85
3. Kế hoạch sử dụng đất phân theo các khu chức năng của BQL.....	86
III. KẾ HOẠCH KHOÁN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	86
1. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng.....	86
1.1 Khoán ổn định: Không khoán ổn định.	86
1.2 Khoán công việc, dịch vụ.....	86
2. Kế hoạch, nội dung thực hiện đồng quản lý.....	87
IV. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG RỪNG BỀN VỮNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	87
1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học	87
1.1 Kế hoạch bảo vệ rừng.....	87
1.2 Kế hoạch xây dựng phương án bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng	88
1.3 Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng	91
1.4 Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và khu rừng có giá trị bảo tồn cao	92
2. Kế hoạch phát triển rừng.....	95
2.1 Phân khu phục hồi sinh thái	95
2.2 Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	99
2.3. Xây dựng các mô hình phát triển vùng đệm	99
3. Khai thác lâm sản	100
4. Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực	100
5. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	102
6. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng	109
7. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng.....	113
8. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng và thuê môi trường rừng	114
9. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng.....	117
10. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng.....	118
VI. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ.....	122
1. Tổng hợp nhu cầu vốn cho phương án quản lý rừng bền vững	122

2. Vốn đầu tư phân theo giai đoạn thực hiện	122
3. Nguồn vốn đầu tư.....	122
VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	123
1. Giải pháp tổ chức, quản lý	123
2. Giải pháp phối hợp với các bên liên quan.....	124
3. Giải pháp về khoa học và công nghệ	125
4. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư	125
5. Giải pháp về quản lý đất đai.....	126
6. Giải pháp giảm tác động hoạt động của người dân đến BQL.....	126
VIII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN.....	126
1. Hiệu quả về kinh tế.....	126
2. Hiệu quả về xã hội.....	128
3. Hiệu quả về môi trường.....	128
CHƯƠNG 4 TỔ CHỨC THỰC HIỆN	128
I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ	129
1. Các cơ quan, đơn vị.....	129
2. Đối với Ban quản lý rừng đặc dụng Xuân Nha.....	130
II. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT	130
1. Mục tiêu.....	130
2. Các chỉ tiêu giám sát	131
III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	131
1. Kết luận	131
2. Kiến nghị	132

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Tình hình sản xuất nông nghiệp 4 xã thuộc lâm phận của Ban quản lý rừng đặc dụng Xuân Nha	16
Bảng 2.2. Thống kê diện tích sản xuất nông lâm nghiệp trên đất lâm nghiệp bình quân của hộ gia đình thuộc các xã	17
Bảng 2.3. Thống kê thu nhập bình quân trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp của các xã thuộc lâm phận Ban quản lý rừng đặc dụng Xuân Nha	18
Bảng 2.4. Thống kê trường học, học sinh, giáo viên của các xã thuộc lâm phận Ban quản lý rừng đặc dụng Xuân Nha	20
Bảng 2.5. Hệ thống giao thông đường bộ thuộc địa phận Ban quản lý	23
Bảng 2.6. Diện tích được chi trả dịch vụ môi trường rừng tại BQL.....	26
Bảng 2.7. Các đối tượng nhận chi trả dịch vụ môi trường rừng tại BQL	26
Bảng 2.8. Diện tích đất rừng đặc dụng của Ban quản lý phân theo đơn vị hành chính cấp xã.....	28
Bảng 2.9. Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp Ban quản lý rừng đặc dụng Xuân Nha năm 2020	31
Bảng 2.10. Tổng trữ lượng bình quân theo các trạng thái rừng.....	33
Bảng 2.11. Thống kê hiện trạng cơ sở vật chất của Ban quản lý rừng đặc dụng Xuân Nha.....	37
Bảng 2.12. Kết quả thực hiện phát triển rừng 2015 – 2020.....	40
Bảng 2.13: Đa dạng các taxon tại Khu rừng đặc dụng Xuân Nha	55
Bảng 2.14: Danh sách các loài bổ sung cho Khu rừng đặc dụng Xuân Nha	56
Bảng 2.15: Các họ có số lượng loài lớn nhất tại Khu rừng đặc dụng Xuân Nha	59
Bảng 2.16: Các Yếu tố địa lý tại Khu rừng đặc dụng Xuân Nha.....	60
Bảng 2.17: Các Yếu tố địa lý tại Khu rừng đặc dụng Xuân Nha.....	61
Bảng 2.18. Số loài động vật có xương sống đã ghi nhận ở một số khu bảo tồn.	62
Bảng 2.19. Số loài động vật có giá trị kinh tế cao ở Khu rừng đặc dụng Xuân Nha	63
Bảng 2.20. Số loài và tỷ lệ số loài ghi nhận được phân bố theo sinh cảnh.....	63
Bảng 2.21. Số loài và tỷ lệ số loài phân bố theođai cao	64
Bảng 2.22. Danh mục các loài thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm	67
Bảng 2.23. Danh mục các loài động vật rừng nguy cấp, quý hiếm	70
Bảng 2.24. Hiện trạng các phân khu chức năng của ban quản lý	75

Bảng 2.25. Tổng hợp các nguồn thu của Ban quản lý từ 2018 – 2020.....	81
Bảng 2.26. Tổng hợp các nguồn chi hoạt động của Ban quản lý từ 2018 – 2020	81
Bảng 3.1. Quy hoạch quản lý, sử dụng đất của Ban quản lý rừng đặc dụng	85
Bảng 3.2. Diện tích khoanh nuôi, làm giàu rừng tự nhiên đặc dụng của BQL...	96
Bảng 3.3. Diện tích Trồng mới và chăm sóc rừng trồng đặc dụng của BQL	97
Bảng 3.4. Tổng hợp nguồn vốn đầu tư.....	123

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Kiểu rừng kín thường xanh cây lá rộng ẩm nhiệt đới	48
Hình 2.2. Rừng thứ sinh phục hồi sau khai thác	49
Hình 2.3: Rừng Vầu đắng	50
Hình 2.4: Rừng kín thường xanh cây lá rộng ẩm á nhiệt đới.....	52
Hình 2.5. Rừng kín thường xanh hỗn giao cây lá rộng lá kim ẩm á nhiệt đới....	53
Hình 2.6. Rừng kín thường xanh hỗn giao cây lá rộng, lá kim ẩm ôn đới	55
Hình 3.1. Các loại hình sản phẩm du lịch có thể phát triển tại	105

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	HĐND	Hội đồng nhân dân
2	UBND	Ủy ban nhân dân
3	DA	Dự án
4	KT-XH	Kinh tế - xã hội
5	BQL	Ban quản lý rừng đặc dụng Xuân Nha
6	KH	Kế hoạch
7	TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
8	LĐTB&XH	Lao động thương binh và xã hội
9	NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	QL	Quốc lộ
11	TL	Tỉnh lộ
12	QĐ	Quyết định
13	NQ	Nghị quyết
14	THCS	Trung học cơ sở
15	THPT	Trung học phổ thông
16	PCCCR	Phòng cháy chữa cháy rừng
17	QLRBV	Quản lý rừng bền vững
18	HTR	Hiện trạng rừng
19	QLBVR	Quản lý bảo vệ rừng
20	DLST	Du lịch sinh thái
21	HCV	Rừng có giá trị bảo tồn cao

PHẦN 1

MỞ ĐẦU

1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng

Ban quản lý rừng đặc dụng Xuân Nha được thành lập tại Quyết định số 3440/2002/QĐ-UB ngày 11/11/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La; Khu rừng đặc dụng được Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch tại Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 26/12/2013, thuộc phạm vi địa giới hành chính các xã Chiềng Xuân, Tân Xuân, Xuân Nha huyện Vân Hồ và xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu.

Nhưng theo kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tại Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La thì tổng diện tích rừng và đất rừng đặc dụng Xuân Nha là 18.173,01 ha, trong đó: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 10.183,16 ha; Phân khu phục hồi sinh thái: 7.982,88 ha; Phân khu dịch vụ hành chính: 6,97 ha.

Rừng đặc dụng Xuân Nha là khu hệ sinh thái rừng kín thường xanh núi cao vùng Tây Bắc, có giá trị bảo tồn cao bởi có nhiều loài động, thực vật quý hiếm. Khu vực này có diện tích rừng tập trung khá lớn, đa dạng về các hệ sinh thái và sinh cảnh với nhiều kiểu rừng, rất có giá trị về bảo tồn nguồn gen và nghiên cứu khoa học.

Ban quản lý khu rừng đặc dụng Xuân Nha (*gọi tắt Ban quản lý*) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục Kiểm lâm Sơn La. Ban quản lý chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp về tổ chức và hoạt động của Chi cục Kiểm lâm, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Ban quản lý rừng đặc dụng Xuân Nha có chức năng quản lý rừng, bảo vệ rừng, phát triển rừng trong khu rừng đặc dụng, bảo tồn và phát huy các giá trị sinh học, nguồn gen sinh học, bảo tồn thiên nhiên... bảo tồn và phát triển bền vững diện tích rừng trong khu rừng đặc dụng được giao quản lý.

Với chức năng, nhiệm vụ được giao, trong những năm qua Ban quản lý thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý bảo vệ diện tích rừng được giao và đồng thời từng bước thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, bảo tồn và phát triển sinh vật rừng, tổ chức thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội cho cộng đồng địa phương...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được về thực hiện nhiệm vụ được giao, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động tài chính của Ban quản lý còn nhiều tồn tại hạn chế, chưa khai thác được tiềm năng, thế mạnh của khu rừng đặc dụng như: Về thực hiện nhiệm vụ mới tập trung làm tốt công tác quản lý bảo vệ rừng, chưa tự tổ chức hoặc liên doanh, liên kết hoặc cho các tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để tổ

chức các hoạt động kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái; hoạt động nghiên cứu khoa học về bảo tồn thực vật rừng, đa dạng sinh học và tổ chức các dịch vụ còn nhiều hạn chế; hệ thống tổ chức bộ máy chưa được kiện toàn theo quy định về quản lý rừng đặc dụng; cơ chế hoạt động tài chính còn nhiều hạn chế, nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế của khu rừng đặc dụng...

2. Sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững (sau đây viết tắt là phương án)

Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững là một nguyên tắc, nhiệm vụ bắt buộc đối với tất cả các chủ rừng là tổ chức để quản lý, bảo tồn, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên rừng. Nhiệm vụ này được quy định cụ thể trong Luật Lâm nghiệp số: 16/2017/QH14 được Quốc hội khóa XIV kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15/11/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 và hướng dẫn chi tiết xây dựng phương án tại Thông tư số: 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững. Thời gian thực hiện tối đa của Phương án quản lý rừng bền vững là 10 năm, kể từ khi phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quản lý rừng bền vững còn là xu hướng tất yếu của ngành lâm nghiệp thế giới nói chung và của mỗi quốc gia nói riêng, trong đó có Việt Nam.

Nhằm cụ thể hóa, thực hiện Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 4691/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/11/2018 về Kế hoạch thực hiện Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT, ngày 16/11/2018 về hướng dẫn các nội dung và trình tự xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững. Xây dựng mô hình quản lý rừng bền vững là tiến tới quản lý bảo vệ và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên hiện có, đồng thời đảm bảo việc sử dụng tài nguyên rừng một cách lâu dài và liên tục. Cùng với sự phát triển tài nguyên rừng thông qua các hoạt động như: Trồng rừng, bảo tồn, bảo vệ rừng, làm giàu rừng,... cần có sự phát triển kết hợp các hoạt động dịch vụ, du lịch tạo việc làm thu hút lao động, từng bước nâng cao đời sống kinh tế một cách ổn định lâu dài cho cán bộ công nhân viên thực hiện việc quản lý, bảo vệ rừng và cộng đồng dân cư địa phương sinh sống gần rừng.

Sơn La là một tỉnh miền núi nằm ở phía Tây Bắc Việt Nam. Khí hậu nhiệt đới gió mùa vùng núi, mùa đông lạnh khô, mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều. Địa hình chia cắt sâu và mạnh, hình thành nhiều tiểu vùng khí hậu cho phép phát triển một nền sản xuất nông - lâm nghiệp phong phú. Theo Quyết định số 1423/QĐ-BNN-TCLN ngày 15/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn diện tích rừng Sơn La là 634.542 ha trong đó diện tích rừng tự nhiên khoảng 588.343 ha, diện tích rừng